Kinh Nhân Quả Ba Đời

三 世 因 果 經
Tam Thế Nhân Quả Kinh

1-

爾 時 阿 難 陀 尊 者 在 靈 山 會 上
Nhĩ thời : A Nan Đà tôn giả, tại Linh Sơn hội thượng
一 千 二 百 五 十 人 俱 阿 難 頂 禮
nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. A Nan đảnh lễ
合 掌 遶 佛 三 匝 胡 跪 合 掌 請 問
hợp chưởng nhiễu Phật tam táp. Hồ quỵ hợp chưởng. Thỉnh vấn
本 師 釋 迦 牟 尼 佛
bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
南 閻 浮 提 一 切 眾 生 末 法 時 至
Nam diêm phù đề, nhất thiết chúng sinh, mạt pháp thời chí
多 生 不 善 不 敬 三 寶 不 重 父 母
Đa sinh bất thiện, bất kính tam bảo, bất trọng phụ mẫu
無 有 三 綱 五 倫 雜 亂 貧 窮 下 賤
vô hữu tam cương, ngũ luân tạp loạn. Bần cùng hạ tiện
六 根 不 足 終 日 殺 生 害 命 富 貴
lục căn bất túc. Chung nhật sát sinh hại mạng, phú quý
貧 窮 亦 不 平 等 是 何 果 報 望 世

bần cùng, diệc bất bình đẳng, thị hà quả báo ?Vọng Thế
尊 慈 悲 願 爲 弟 子 一 一 解 說
Tôn từ bi nguyện vi đệ tử nhất nhất giải thuyết !

Dịch Nghĩa :

Lúc đó, tôn giả A Nan, ở hội Linh Sơn cùng một ngàn hai trăm năm mươi người. A Nan chắp hai tay lại, đi vòng quanh Phật ba vòng, quỳ lạy và hỏi Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật :

-Chúng sinh ở cõi Nam diêm phù đề, ở thời mạt pháp nhiều người sinh bất thiện , không kính Tam bảo, không trọng cha mẹ, không có tam cương, ngũ luân tạp loạn, bần cùng hạ tiện, sáu căn không đủ, cả ngày giết chóc, hại mạng, phú quý bần cùng, không có bình đẳng là quả báo nào ? Xin Thế Tôn từ bi vì đệ tử nhất nhất giải thích !

2-

佛 告 阿 難 與 諸 大 弟 子 言 善 哉 善
Phật tố A Nan dữ chư đại đệ tử ngôn: Thiện tai! thiện
哉 汝 等 諦 聽 吾 當 爲 汝 等 分 明 說
tai! Nhữ đẳng đề thính, ngô đương vi nhữ đẳng phân minh thuyết
之 一 切 世 間 男 女 老 少 貧 賤 富 貴
chi. Nhất thiết thế gian nam nữ lão thiếu bần tiện phú quý
受 苦 無 窮 享 福 不 盡 皆 是 前 生 因
thọ khổ vô cùng hưởng phúc bất tận giai thị tiền sinh nhân
果 之 報 以 何 所 作 故 先 須 孝 敬 父
quả chi báo. Dĩ hà sở tác cố tiên tu hiếu kính phụ
母 敬 信 三 寶 次 要 戒 殺 放 生 念 佛
mẫu. Kính tín Tam Bảo. Thứ yêu giới sát, phóng sinh. Niệm Phật

布 施 能 種 後 世 福 田
bố thí năng chủng hậu thế phúc điền.

Dịch Nghĩa :

Phật bảo A Nan và các Đại đệ tử rằng :

-Lành thay ! Lành thay ! Các ông hãy nghe cho kỹ. Tôi sẽ vì các ông nói rõ ràng : Mọi việc trên đời, nam nữ, già trẻ, bần tiện, phú quý, thọ khổ vô cùng, hưởng phúc bất tận, đều là quả báo của tiền kiếp. Vậy phải làm sao ? Trước nên hiếu kính cha mẹ, kính tin Tam Bảo, sau nên giới sát, phóng sinh, niệm Phật, bố thí, có thể gieo hạt tốt cho ruộng phúc điền đời sau.

3-

佛 說 因 果 偈 云 :
Phật thuyết nhân quả kệ vân :
富 貴 皆 由 命
Phú quý giai do mạng
前 世 各 修 因
Tiền thế các tu nhân
有 人 受 持 者
Hữu nhân thọ trì giả
世 世 福 祿 深
Thế thế phúc lộc thậm.
善 男 信 女 聽 言 因 聽 念 三 世 因
Thiện nam tín nữ thính ngôn nhân, thính niệm tam thế nhân
果 經 三 世 因 果 非 小 可 佛 言 眞
quả kinh tam thế nhân quả phi tiểu khả Phật ngôn chân

語 莫 非 輕.
ngữ mạc phi khinh.

Dịch nghĩa :

Phật nói kệ nhân quả :

Phú quý đều do mạng
Đời trước tu là nhân
Có người thọ trì cả
Đời đời phúc lộc thâm.

Thiện nam tín nữ nghe nhân, nghe niệm ba đời nhân quả không phải là chuyện nhỏ, lời Phật là thật, chớ coi nhẹ.

4-

今 生 做 官 爲 何 因 前 世 黃 金 粧 佛
Kim sinh tố quan vi hà nhân, tiền thế hoàng kim trang Phật
身 前 世 修 來 今 世 受 紫 袍 金 帶 佛
thân Tiền thế tu lai kim thế thọ tử bào kim đới Phật
前 來 黃 金 粧 佛 粧 自 己 衣 蓋 如 來
tiền lai. Hoàng kim trang Phật trang tự kỷ y cái Như Lai
蓋 自 身 莫 說 做 官 原 容 易 前 世 不
cái tự thân. Mạc thuyết tố quan nguyên dung dị tiền thế bất
修 何 處 來 騎 馬 坐 轎 爲 何 因 前 世
tu hà xứ lai ? Kỵ mã tọa kiệu vi hà nhân ? Tiến thế

修 橋 舖 路 人 穿 綢 穿 緞 爲 何 因 前

tu kiều phô lộ nhân.Xuyên trù xuyên đoạn vi hà nhân? Tiền

世 施 衣 濟 貧 人 有 食 有 穿 爲 何 因

thế thí y tề bần nhân.Hữu thực, hữu xuyên vi hà nhân ?

前 世 茶 飯 施 貧 人 無 食 無 穿 爲 何

Tiền thế trà, phạn thí bần nhân. Vô thực, vô xuyên vi hà

因 前 世 未 捨 半 分 文 高 樓 大 廈 爲

nhân. Tiền thế vị xả bán phân văn. Cao lâu đại hạ vi

何 因 前 世 施 米 施 貧 人 福 祿 具 足

hà nhân. Tiền thế thí mễ thí bần nhân. Phúc lộc cụ túc

爲 何 因 前 世 造 寺 建 涼 亭.

vi hà nhân. Tiền thế tạo tự kiến lương đình.

Dịch nghĩa :

Đời này làm quan vì cớ gì ? Kiếp trước lấy vàng đắp tượng Phật. Kiếp trước có tu, kiếp này có thọ. Kiếp này mặc áo tía, đeo đai ngọc là do Đức Phật ban cho. Đắp vàng cho tượng Phật là đắp cho mình. Che tượng Phật là che chính mình. Đừng nói làm quan là dễ, nếu kiếp trước không tu thì ở đâu đến ?

Cưỡi ngựa, ngồi kiệu vì cớ gì ? Kiếp trước, sửa cầu sửa đường. Vì cớ gì mà mặc áo gấm vóc ? Vì đời trước ban phát quần áo cho người nghèo. Ăn mặc thiếu thốn vì cớ gì ? Kiếp trước chưa bỏ một nửa xu. Ở nhà cao, cửa lớn vì cớ gì ? Tiền kiếp lấy gạo cho người nghèo. Phúc lộc đầy đủ vì cớ gì ? Vì kiếp trước xây chùa, xây đình.

5-

相 貌 端 嚴 爲 何 因 前 世 鮮 花 供

Tướng mạo đoan trang vi hà nhân ?Tiền thế tiên hoa cúng

佛 前 聰 明 智 慧 爲 何 因 前 世 誦
Phật tiền. Thông minh trí tuệ vi hà nhân ? Tiền thế tụng
經 念 佛 人 嬌 妻 妾 美 爲 何 因 前
kinh niệm Phật nhân. Kiều thê thiếp mỹ vi hà nhân? Tiền
世 佛 門 結 善 緣 夫 妻 長 守 爲 何
thế Phật môn kết thiện duyên. Phu thê trường thủ vi hà
因 前 世 幢 旛 供 佛 前 父 母 雙 全
nhân?Tiền thế tràng phan cúng Phật tiền. Phụ mẫu song toàn
爲 何 因 前 世 敬 重 孤 獨 人
vi hà nhân? Tiền thế kính trọng cô độc nhân.

Dịch nghĩa :

-Tướng mạo đoan trang vì cớ gì ?
Kiếp trước dùng hoa tươi cúng Phật.
-Thông minh vì cớ gì ?
Kiếp trước tụng kinh, niệm Phật.
-Vợ và thiếp đẹp vì cớ gì ?
Kiếp trước kết thiện duyên với nhà Phật.
-Vợ chồng sống với nhau lâu dài vì cớ gì ?
Kiếp trước có cúng dường Phật.
-Cha mẹ đầy đủ vì cớ gì ?
Kiếp trước kính trọng người cô đơn.

6-

無 父 無 母 爲 何 因 前 世 都 是 打
Vô phụ, vô mẫu, vi hà nhân? Tiền thế đô thị đả
鳥 人 多 子 多 孫 爲 何 因 前 世 開
điểu nhân. Đa tử, đa tôn, vi hà nhân? Tiền thế khai

籠 放 鳥 人 養 子 不 大 鳥 何 因 前
lung, phóng điểu nhân. Dưỡng tử bất đại điểu hà nhân? Tiền
世 皆 是 恨 他 人 今 生 無 子 爲 何
thế giai thị hận tha nhân. Kim sinh vô tử vi hà
因 前 世 厭 恨 他 人 兒 孫 今 生 長
nhân. Tiền thế yêm hận tha nhân nhi tôn. Kim sinh trường
命 爲 何 因 前 世 買 物 多 放 生
mạng, vi hà nhân? Tiền thế mãi vật, đa phóng sinh.

Dịch nghĩa :

-Không cha không mẹ, vì cớ gì ?
Kiếp trước là người bắt chim.
-Nhiều con, nhiều cháu, vì cớ gì ?
Kiếp trước mở lồng thả chim.
-Nuôi con không lớn vì cớ gì ?
Kiếp trước đều hận người.
-Kiếp này không con vì cớ gì ?
Kiếp trước, ghét con cháu.
-Kiếp này sống lâu vì cớ gì ?
Kiếp trước mua vật, phóng sinh.

7-

今 生 短 命 爲 何 因 前 世 宰 殺 眾
Kim sinh đoản mạng vi hà nhân? Tiền thế tể sát chúng
生 身 今 生 無 妻 爲 何 因 前 世 偷
sinh thân. Kim sinh vô thê vi hà nhân? Tiền thế thâu
姦 人 女 妻 今 生 守 寡 爲 何 因 前
gian nhân nữ thê. Kim sinh thủ quả vi hà nhân? Tiền

世 輕 賤 丈 夫 身 今 生 作 奴 婢 爲
thế khinh tiện trượng phu thân. Kim sinh tác nô tỳ vi
何 因 前 世 忘 恩 負 義 人 今 生 眼
hà nhân? Tiền thế vong ân phụ nghĩa nhân. Kim sinh nhãn
明 何 因 前 世 施 油 點 佛 燈
minh hà nhân? Tiền thế thí du điểm Phật đăng.

Dịch nghĩa :

-Kiếp này chết yểu vì cớ gì ?
Tiền thế tàn sát thân chúng sinh
-Kiếp này không vợ vì cớ gì ?
Kiếp trước gian dâm vợ người.
-Kiếp này làm quả phụ vì cớ gì ?
Kiếp trước khinh chồng.
-Kiếp này làm nô tỳ vì cớ gì ?
Kiếp trước vong ân, phụ nghĩa.
-Kiếp này sáng mắt vì cớ gì ?
Kiếp trước cho dầu đèn cúng Phật.

8-

今 生 眼 瞎 爲 何 因 前 世 多 看 淫
Kim sinh nhãn hạt vi hà nhân? Tiền thế đa khán dâm
書 人 今 生 缺 口 爲 何 因 前 世 多
thư nhân. Kim sinh khuyết khẩu vi hà nhân? Tiền thế đa
是 非 人 今 生 聾 啞 爲 何 因 前 世
thị phi nhân. Kim sinh lung á vi hà nhân? Tiền thế
惡 口 罵 雙 親 今 生 駝 背 爲 何 因
ác khẩu mạ song thân. Kim sinh đà bối vi hà nhân?

前 世 譏 笑 拜 佛 人 今 生 曲 手 爲
Tiền thế cơ tiếu bái Phật nhân. Kim sinh khúc thủ vi
何 因 前 世 打 過 父 母 人
hà nhân. Tiền thế đả quá phụ mẫu nhân.

Dịch nghĩa :

-Kiếp này mù mắt vì cớ gì ?
Kiếp trước, xem nhiều dâm thư.
-Kiếp này bệnh miệng vì cớ gì ?
Kiếp trước thích nói chuyện thị phi.
-Kiếp này câm, điếc vì cớ gì ?
Kiếp trước ác khẩu, mắng mẹ cha.
-Kiếp này lưng gù vì cớ gì ?
Kiếp trước cười chê người lễ Phật.
-Kiếp này còng tay vì cớ gì ?
Kiếp trước có đánh mẹ cha.

9-

今 生 曲 腳 爲 何 因 前 世 破 壞 路
Kim sinh khúc cước vi hà nhân? Tiền thế phá hoại lộ
橋 人 今 生 牛 馬 爲 何 因 前 世 欠
kiều nhân. Kim sinh ngưu mã vi hà nhân? Tiền thế khiếm
債 不 還 人 今 生 豬 狗 爲 何 因 前
trái bất hoàn nhân. Kim sinh trư cẩu vi hà nhân? Tiền
世 存 心 哄 騙 人 今 生 多 病 爲 何
thế tồn tâm hồng biển nhân. Kim sinh bệnh đa vi hà

因 前 世 幸 災 樂 禍 人 今 生 健 康
nhân. Tiền thế hạnh tai lạc họa nhân. Kim sinh kiện khang
爲 何 因 前 世 施 藥 救 病 人
vi hà nhân? Tiền thế thí dược cứu bệnh nhân.

Dịch nghĩa :

-Kiếp này chân cong vì cớ gì ?
Kiếp trước phá hoại cầu, đường.
-Kiếp này làm bò, ngựa vì cớ gì ?
Kiếp trước thiếu nợ, không trả người.
-Kiếp này làm heo, chó vì cớ gì?
Kiếp trước có lòng lừa người.
-Kiếp này nhiều bệnh vì cớ gì ?
Kiếp trước vui vì họa của người.
-Kiếp này khỏe mạnh vì cớ gì ?
Kiếp trước cho thuốc cứu bệnh nhân.

10-

今 生 坐 牢 爲 何 因 前 世 見 危 不
Kim sinh tọa lao vi hà nhân? Tiền thế kiến nguy bất
救 人 今 生 餓 死 爲 何 因 前 世 笑
cứu nhân. Kim sinh ngạ tử vi hà nhân? Tiền thế tiếu
罵 乞 丐 人 被 人 毒 死 爲 何 因 前
mạ khất cái nhân. Bị nhân độc tử vi hà nhân? Tiền
世 攔 河 毒 魚 人 零 丁 孤 苦 爲 何
thế lan hà độc ngư nhân. Linh đinh cô khổ vi hà
因 前 世 惡 心 侵 算 人 今 生 矮 小
nhân? Tiền thế ác tâm xâm toán nhân. Kim sinh uy tiểu

爲 何 因 前 世 鄙 視 各 用 人
vi hà nhân? Tiền thế bỉ thị các dụng nhân.

Dịch nghĩa :

-Kiếp này ngồi tù vì cớ gì ?
Kiếp trước thấy nguy mà không cứu.
-Kiếp này chết đói vì cớ gì ?
Kiếp trước cười, chửi người ăn mày.
-Bị người thuốc chết vì cớ gì ?
Kiếp trước thuốc độc cá trên sông.
-Linh đinh một mình khổ vì cớ gì ?
Kiếp trước ác tâm làm hại người.
-Kiếp này lùn, bé vì cớ gì ?
Kiếp trước coi thường những người làm.

11-

今 生 吐 血 爲 何 因 前 世 挑 撥 離
Kim sinh thổ huyết vi hà nhân? Tiền thế khiêu bát ly
間 人 今 生 耳 聾 爲 何 因 前 世 聞
gián nhân. Kim sinh nhĩ lung vi hà nhân? Tiền thế văn
法 不 信 眞 今 生 瘡 癲 爲 何 因 前
pháp bất tín chân. Sinh kim sang điên vi hà nhân? Tiền
世 虐 待 畜 生 身 身 生 臭 氣 爲 何
thế ngược đãi súc sinh thân. Thân sinh xú khí vi hà
因 前 世 妬 忌 他 人 榮 今 生 吊 死
nhân? Tiền thế đố kỵ tha nhân vinh. Kim sinh điếu tử
爲 何 因 前 世 損 人 利 己 人
vi hà nhân? Tiền thế tổn nhân lợi kỷ nhân.

Dịch nghĩa :

-Kiếp này thổ huyết vì cớ gì ?
Kiếp trước làm ly gián người.
-Kiếp này tai điếc vì cớ gì ?
Kiếp trước nghe pháp lại không tin.
-Kiếp này mụn nhọt phát điên vì cớ gì ?
Kiếp trước ngược đãi loài vật.
-Người hôi vì cớ gì ?
Kiếp trước đố kỵ vinh quang của người.
-Kiếp này thắt cổ vì cớ gì ?
Kiếp trước hại người và lợi mình.

12-

鰥 寡 孤 獨 爲 何 因 前 世 不 愛 妻
Quan quả cô độc vi hà nhân? Tiền thế bất ái thê
兒 人 雷 打 火 燒 爲 何 因 前 世 毀
nhi nhân. Lôi đả hỏa thiêu vi hà nhân? Tiền thế hủy
謗 出 家 人 虎 咬 蛇 傷 爲 何 因 前
báng xuất gia nhân. Hổ giảo, xà thương vi hà nhân? Tiền
世 多 結 冤 仇 人 萬 般 自 作 還 自
thế đa kết oán cừu nhân. Vạn ban tự tác hoàn tự
受 地 獄 受 苦 怨 何 人 若 道 因 果
thọ. Địa ngục thọ khổ oán hà nhân? Nhược đạo nhân quả
無 人 見 遠 在 兒 孫 近 在 身
vô nhân kiến. Viễn tại nhi tôn cận tại thân.

Dịch nghĩa :

-Cô độc vì cớ gì ?
Kiếp trước không yêu vợ con.
-Sét đánh, lửa đốt vì cớ gì ?
Kiếp trước nói xấu người xuất gia.
-Hổ cắn, rắn cắn vì cớ gì ?
Kiếp trước kết nhiều oán thù.
-Những việc mình làm mình tự thọ.
Chịu khổ địa ngục oán trách ai ?
-Nếu nói nhân quả, không người thấy
Xa thì con chán, gần tại thân.

13-

不 信 三 寶 多 施 捨 但 看 眼 前 受
Bất tín Tam Bảo đa thí xả. Đản khán nhãn tiền thọ
福 人 前 世 修 來 今 生 受 今 生 積
phúc nhân. Tiền thế tu lai kim sinh thọ. Kim sinh tích
德 後 蔭 人 若 人 毀 謗 因 果 經 後
đức hậu ấm nhân. Nhược nhân hủy báng nhân quả kinh. Hậu
世 墮 落 失 人 身 有 人 信 行 因 果
thế đọa lạc thất nhân thân. Hữu nhân tín hành nhân quả
經 福 祿 壽 星 照 臨 門 有 人 推 介
kinh. Phúc lộc thọ, tinh chiếu lâm môn. Hữu nhân suy giới
因 果 經 代 代 吉 慶 家 道 興
nhân quả kinh. Đại đại cát khánh gia đạo hưng.

Dịch nghĩa :

-Không tin Tam Bảo, bố thí nhiều

Sẽ thấy trước mắt người thọ phước.
-Kiếp trước có tu, kiếp này thọ.
Đời này tích đức, đời sau hưởng.
-Nếu người hủy báng kinh Nhân Quả
Đời sau sẽ mất thân người.
-Nếu tin, hành kinh Nhân Quả
Phúc, lộc, thọ sẽ đến nhà.
-Nếu giới thiệu Nhân Quả Kinh
Đời đời gia đạo vui và hưng vượng.

14-

有 人 常 帶 因 果 經 凶 災 橫 禍 不
Hữu nhân thường đới Nhân Quả kinh. Hung tai hoành họa bất
臨 身 有 人 講 說 因 果 經 生 生 世
lâm thân. Hữu nhân giảng thuyết Nhân Quả kinh. Sinh sinh thế
世 得 聰 明 有 人 讀 誦 因 果 經 來
thế đắc thông minh. Hữu nhân độc tụng Nhân Quả kinh lai
生 到 處 人 恭 敬 有 人 印 送 因 果
sinh đáo xứ nhân cung kính. Hữu nhân ấn tống Nhân Quả
經 來 世 便 得 帝 王 身 若 問 前 世
kinh. Lai thế tiện đắc đế vương thân. Nhược vấn tiền thế
因 果 事 迦 葉 布 施 獲 金 光
nhân quả sự. Ca Diếp bố thí hoạch kim quang.

Dịch nghĩa :

-Có người thường mang kinh Nhân Quả
Tai hung bất ngờ không tới thân.
-Có người giảng thuyết kinh Nhân Quả

Đời đời được thông minh.
-Có người tụng đọc kinh Nhân Quả
Kiếp sau đến xứ nào cũng được người kính trọng.
-Có người ấn tống kinh Nhân Quả
Kiếp sau sẽ được làm vua.
-Nếu hỏi sự nhân quả kiếp trước
Ca Diếp bố thí được ánh sáng vàng.

15-

若 問 後 世 因 和 果 善 星 謗 法 地
Nhược vấn hậu thế nhân hoa quả. Thiện Tinh báng pháp địa
獄 因 若 是 因 果 無 報 應 目 蓮 救
ngục nhân. Nhược thị nhân quả vô báo ứng. Mục Liên cứu
母 是 何 因 若 人 諗 信 因 果 經 同
mẫu thị hà nhân. Nhược nhân thâm tín nhân quả kinh. Đồng
生 西 方 極 樂 人 三 世 因 果 說 不
sinh Tây phương Cực lạc nhân. Tam thế nhân quả thuyết bất
盡 龍 天 不 虧 善 心 人 三 寶 門 中
tận. Long thiên bất khuy thiện tâm nhân. Tam bảo môn trung
福 好 修 一 文 喜 捨 萬 丈 收
phúc hảo tu. Nhất văn hỉ xả vạn trượng thu.

Dịch nghĩa :

-Nếu hỏi nhân và quả đời sau
Thiệu Tinh báng pháp là nhân địa ngục.
-Nếu nói nhân quả không báo ứng
Mục Liên cứu mẹ vì cớ nào ?
-Nếu người tin sâu kinh Nhân Quả

Cùng sinh về Tây phương Cực lạc.
-Ba đời nhân quả nói không hết
Rồng, trời chẳng thiếu người thiện tâm.
-Người tu phúc trong Tam Bảo
Một xu hỉ xả thu vạn trượng.

16-

與 君 寄 在 堅 牢 庫 世 世 生 生 福
Dữ quân ký tại kiên lao khố. Thế thế sinh sinh phúc
不 休 若 問 前 生 事 今 生 受 者 是
bất hưu. Nhược vấn tiền sinh sự. Kim sinh thọ giả thị.
若 問 後 世 事 今 生 做 者 是
Nhược vấn hậu thế sự. Kim sinh tố giả thị.

Dịch nghĩa :

-Đem gửi ở kho kiên cố
Đời đời phúc chẳng ngừng.
-Nếu hỏi chuyện kiếp trước
Hãy xem kiếp này được gì ?
-Nếu hỏi chuyện kiếp sau ?
Hãy xem kiếp này làm gì ?

17-

圓 融 是 生 命 的 最 高 境 界 但 是
Viên dung thị sinh mạng đích tối cao cảnh giới đản thị
實 現 它 並 由 於 外 境 的 順 遂 如
thật hiện tha tịnh do ư ngoại cảnh đích thuận toại như

意 而 在 於 能 否 以 內 在 的 悲 智
ý. Nhi tại ư năng phủ dĩ nội tại đích bi trí
心 力 點 化 外 在 的 種 種 不 圓 融
tâm lực điểm hóa ngoại tại đích chủng chủng bất viên dung
世 界 願 一 切 功 德 迴 向 法 界 眾
thế giới. Nguyện nhất thiết công đức hồi hướng pháp giới chúng
生 肯 定 身 心 當 下 之 行 爲 得 正
Sinh khẳng định thân tâm đương hạ chi hành vi đắc chính
知 見 正 思 惟 我 等 與 法 界 眾 生
tri kiến chính tư duy ngã đẳng dữ pháp giới chúng sinh
共 證 菩 提 修 行 是 布 施 在 施 能
cộng chứng bồ đề tu hành thị bố thí tại thí năng
生 歡 喜 心 歡 喜 心 能 生 慈 悲 心
sinh hoan hỉ tâm. Hoan hỉ tâm năng sinh từ bi tâm
助 我 們 修 行
trợ ngã môn tu hành.

Dịch nghĩa :

Viên dung là sinh mạng của cảnh giới tối cao. Nhưng thực hiện được là do ngoại cảnh thuận lợi như ý. Khi tâm bi trí của nội tại có đủ khả năng để phủ định mọi chủng tử không viên dung của thế giới ngoại tại. Nguyện tất cả công đức hồi hướng pháp giới chúng sinh khẳng định mọi hành vi của thân tâm đều được chính kiến, chính tư duy. Con và pháp giới chúng sinh cùng chứng Bồ đề. Tu hành là bố thí, bố thí sinh ra tâm vui vẻ. Tâm vui vẻ sinh tâm từ bi. Tâm từ bi giúp chúng con tu hành.

So sánh các bản Việt dịch đã đăng trên mạng

Vì các bản Việt dịch đều không có kèm theo các nguyên bản chữ Hán nên chúng ta không biết các dịch giả có dịch đúng hay không. Có rất nhiều bản dịch nhưng chúng tôi chỉ nêu ra đây vài bản của các dịch giả như : Thích Thiền Tâm, Thích Đạt Ma Phổ Giác, Thích Trung Quán, Nguyên Thuận và bản của Phật tử Lâm Thục Quyên.

I- **Những điểm tương đồng trong các bản dịch** :

1/Làm quan : kiếp trước có thếp vàng tượng Phật.
2/Cưỡi ngựa, ngồi kiệu : kiếp trước sửa đường, làm cầu.
3/Có ăn, có mặc : kiếp trước bố thí đồ ăn, quần áo cho người nghèo.
4/Thiếu ăn, thiếu mặc : kiếp trước chẳng bỏ nửa xu cho người.
5/Tướng mạo đoan trang : kiếp trước dâng hoa tươi cúng Phật.
6/Vui vẻ : kiếp trước kết duyên lành với đại chúng.
7/Vợ chồng ở với nhau lâu bền : kiếp trước dùng tràng phan cúng Phật.
8/Cha mẹ song toàn : kiếp trước kính trọng người cô độc.
9/Không cha, không mẹ : kiếp trước bẫy chim.
10/Nhiều con, cháu : kiếp trước mở lồng thả chim.
11/Sống lâu : kiếp trước phóng sinh nhiều.
12/Chết yểu : kiếp trước giết hại nhiều chúng sinh.
13/Không vợ : kiếp trước gian dâm vợ người.
14/Bà góa : kiếp trước khinh chồng.
15/Làm tôi đòi : kiếp trước vong ơn, phụ nghĩa.
16/Mắt sáng : kiếp trước dâng cúng dầu, đèn.
17/Câm và điếc : kiếp trước ác khẩu mắng cha mẹ.
18/Lưng gù : kiếp trước chê người lễ Phật.
19/Làm bò, ngựa : kiếp trước thiếu nợ không trả.
20/Làm chó, heo : kiếp trước lừa người.
21/Cả đời không bệnh : kiếp trước cho người thuốc men.
22/Người hưởng phước : kiếp trước có tu.
23/Người hủy báng kinh : kiếp sau sẽ mất thân người.

24/Người chép kinh :kiếp sau sẽ hưng thịnh.
25/Người giảng kinh : kiếp sau sẽ thông minh.
26/Người đề xướng kinh : kiếp sau sẽ được cung kính.
27/Người thọ trì kinh Nhân Quả : Phật, Bồ tát chứng minh.
28/Người in kinh Nhân Quả : kiếp sau sẽ làm vua.

II- Những điểm khác biệt.

1/Mặc trù, đoạn :
-kiếp trước cúng y phục cho tăng ni (Thích Thiền Tâm)
-kiếp trước bố thí quần áo cho người nghèo (Nguyên Thuận)

2/Ở nhà lớn :
-kiếp trước cúng gạo cho chùa (T. Thiền Tâm, T. Đạt Ma)

3/Thông minh :
-kiếp trước tụng kinh, niệm Phật ((T. Đạt Ma)
-kiếp trước ăn chay, niệm Phật (Nguyên Thuận)

4/Nuôi con không lớn :
-kiếp trước dìm chết con gái (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước oán hận người (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)

5/Không con :
-kiếp trước bẻ gẫy trăm hoa (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước hận con cháu (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước bắt chim non ăn (T. Trung Quán)
-phá tổ chim, ăn trứng (T. Đạt Ma)

6/Bị mù :
-kiếp trước chỉ đường không phân minh (T. Thiền Tâm, T. Đạt Ma)
-kiếp trước xem nhiều dâm thư Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước khâu mắt chim ưng (T. Trung Quán)

7/Bệnh miệng :

-kiếp trước thích nói chuyện thị phi (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước thổi tắt đèn cúng Phật (T. Thiền Tâm, T. Đạt Ma)
-kiếp trước phỉ báng chánh pháp (T. Trung Quán)

8/Tay cong :
-kiếp trước tạo ác nghiệp (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước đánh cha mẹ (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước trói tay chân chúng sinh (T. Trung Quán)

9/Chân khập khễnh :
-kiếp trước ngăn đường đánh cướp (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước phá cầu đường (Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước thấy bậc trưởng thượng không đứng dậy (T. Trung Quán)
-kiếp trước phá người sửa cầu, đường (Nguyên Thuận)

10/Bị nhiều bệnh :
-kiếp trước vui khi thấy người bị nạn (Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước làm hại chúng sinh (T. Đạt Ma)
-kiếp trước đem rượu, thio5t cúng Phật (T. Thiền Tâm)

11/Bị mù :
-kiếp trước thấy nguy không cứu (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước làm ác chẳng nhường người (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước làm ác hãm hại người (T. Đạt Ma)

12/Bị chết đói :
-kiếp trước cười người ăn xin (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước lấp hang chuột, rắn (T. Thiền Tâm, T Đạt Ma)

13/Bị thuốc chết :
-kiếp trước thuốc cá T. Đạt Ma, Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước giăng câu (T. Thiền Tâm)

14/Linh đinh cơ khổ :
-kiếp trước ác tâm hại người (T. Thiền Tâm, Lâm Thục Quyên)

-kiếp trước ác tâm chiếm lời (Nguyên Thuận)

15/Làm bé :
-kiếp trước xem kinh để dưới đất (T. Thiền Tâm)
-kiếp trước khinh người xem kinh (T. Đạt Ma)
-kiếp trước kinh mạn pháp (T. Trung Quán)
-kiếp trước khinh người làm (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)

16/Thổ huyết :
-kiếp trước ly gián người (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước ăn thịt rồi đi tụng kinh (T.Thiền Tâm)
-kiếp trước ăn uống bê bối (T. Đạt Ma)

17/Điếc :
-kiếp trước chẳng nghe kinh (T. Thiền Tâm, T. Đạt Ma)
-kiếp trước chẳng tin pháp (Nguyên Thuận)

18/Ghẻ lác :
-kiếp trước ngược đãi xúc vật (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước xông hơi thịt cá trước bàn thờ Phật (T.Thiền Tâm, T.Đạt Ma)

19/Hôi hám :
-Kiếp trước bán hương giả (T. Thiền Tâm, T. Đạt Ma)
-kiếp trước đố kỵ kẻ giầu sang (Nguyên Thuận)

20/Thắt cổ :
-kiếp trước hại người, lợi mình (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước dùng giây bẫy thú (T.Thiền Tâm, T.Đạt Ma)

21/Không vợ :
-kiếp trước chẳng thương vợ con (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước ghen ghét người (T.Thiền Tâm)
-kiếp trước chia rẽ vợ chồng người (T.Đạt Ma)

21/Bị sét đánh :

-kiếp trước hủy báng người tu hành (Nguyên Thuận, Lâm Thục Quyên)
-kiếp trước cân gian (T.Thiền Tâm, T.Đạt Ma)

III- **Những nhận xét của chúng tôi**.

1/Nếu các dịch giả dịch đúng : chúng ta có nhiều dị bản chữ Hán, còn bản kinh chữ Phạn thì sao ?

2/Nếu có dịch giả dịch sai thì bản nào là chính để chúng ta lấy đó làm chuẩn ?

3/Nếu như chúng ta tin lời Phật là đúng thì thì chúng ta không được sửa lời kinh mà chỉ ghi lời chú thích ở dưới.

4/Tại sao có nhiều dị bản ? Vì các tác giả muốn tổng quát hóa sự kiện. Thí dụ : để giải thích vì sao một người bị thuốc chết. Có bản thì cho là do kiếp trước thuốc chết cá, có bản cho là kiếp trước giăng lưới bắt cá. Ta có thể tóm tắt như sau :

Bắt cá < Sống : giăng lưới
Chết : thuốc cá.

Ta thấy ngay thuốc cá chỉ là một trường hợp cá biệt, còn giăng lưới bắt cá là phổ quát.

5/ Có người đặt nghi vấn cho Kinh **Tam Thế Nhân Quả** này là do người sau khi Đức Phật Thích Mâu Ni đã nhập Niết Bàn nhiều năm rồi đặt ra, lý do chính là trong thời Đức Phật còn tại thế đâu đã có tượng Phật, và đâu đã có các ngôi chùa hay có bàn thờ Phật ?

6/Bản của chúng tôi xử dụng là bản của Lâm Thục Quyên đời Minh.